

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH
Mã số thuế 0800208342

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hải Dương - Tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Tọa	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Hà	Ủy viên
Ông Lê Thành Long	Ủy viên
Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Dũng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh	Phó giám đốc (bổ nhiệm ngày 14/05/2019)
Ông Cao Văn Tăng	Phó giám đốc (nghỉ hưu ngày 01/09/2019)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Anh Dũng
Giám đốc

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2020

Số: 29/2020/BCKT - AVI - TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/02/2020 và được trình bày từ trang số 4 đến trang số 21 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Hoàng Thạch tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Việt Thanh
Phó Tổng giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán 1687-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Trần Minh Nguyệt
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán 3412-2020-055-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**MẪU SỐ B01 - DN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.655.753.268	157.018.664.764
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	15.942.053.662	4.039.585.078
1. Tiền	111		15.942.053.662	4.039.585.078
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.045.760.412	111.503.179.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	58.060.007.088	115.929.873.855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.882.000	1.455.976.986
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(7.024.128.676)	(5.882.671.108)
III. Hàng tồn kho	140		31.667.939.194	40.449.434.963
1. Hàng tồn kho	141	9	31.667.939.194	40.449.434.963
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.026.464.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	190.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	836.464.990
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.403.081.931	2.188.194.063
I. Tài sản cố định	220		2.403.081.931	2.188.194.063
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.403.081.931	2.188.194.063
- Nguyên giá	222		61.655.648.511	59.750.329.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.252.566.580)	(57.562.135.275)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.058.835.199	159.206.858.827

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		22.703.903.337	79.999.764.790
I. Nợ ngắn hạn	310		22.703.903.337	79.999.764.790
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	15.517.128.004	44.892.490.713
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	818.631.378	413.861.593
3. Phải trả người lao động	314		4.682.867.380	7.152.890.389
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	371.987.625	482.147.539
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	81.375.550	186.305.872
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	24.903.001.800
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.231.913.400	1.969.066.884
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.354.931.862	79.207.094.037
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	78.354.931.862	79.207.094.037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.479.320.000	20.479.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.479.320.000	20.479.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.000.000	2.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		31.038.027.214	29.132.708.041
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.990.305.331	21.520.624.504
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.845.279.317	8.072.441.492
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.586.543.492	2.708.106.316
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.258.735.825	5.364.335.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.058.835.199	159.206.858.827

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2020

Người lập

Phạm Thị Thuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh

Giám đốc



Trần Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	204.665.667.554	254.923.065.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		204.665.667.554	254.923.065.732
4. Giá vốn hàng bán	11	17	188.117.002.388	237.206.133.876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.548.665.166	17.716.931.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.587.938	9.607.753
7. Chi phí tài chính	22		1.239.407.643	760.319.704
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.239.407.643	760.319.704
8. Chi phí bán hàng	25	18	978.828.652	1.355.025.842
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	9.738.924.363	9.571.605.110
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.598.092.446	6.039.588.953
11. Thu nhập khác	31	19	751.450.600	1.158.203.704
12. Chi phí khác	32		98.612	369.898.950
13. Lợi nhuận khác	40		751.351.988	788.304.754
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.349.444.434	6.827.893.707
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	1.090.708.609	1.463.558.531
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.258.735.825	5.364.335.176
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.080	1.624

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2020

Người lập

Phạm Thị Thuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh



Giám đốc

Trần Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**MẪU SỐ B03 - DN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	270.887.084.278	228.101.115.667
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(191.319.850.280)	(197.386.306.566)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.424.745.804)	(31.271.008.866)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.301.146.321)	(698.581.026)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(962.554.825)	(2.297.739.449)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.048.981.318	2.525.369.286
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.391.109.816)	(18.982.525.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.536.658.550	(20.009.676.487)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(639.874.104)	(1.470.322.144)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.587.938	9.607.753
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(633.286.166)	(1.460.714.391)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	80.799.273.550	101.901.724.435
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(105.702.275.350)	(76.998.722.635)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.097.902.000)	(4.110.918.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.000.903.800)	20.792.083.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.902.468.584	(678.307.078)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.039.585.078	4.717.892.156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	15.942.053.662	4.039.585.078

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2020

Người lập

Phạm Thị Thuần

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh



Giám đốc

Trần Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần bao bì Hoàng Thạch hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000054 ngày 18 tháng 5 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 số 0800208342 ngày 08/11/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 20.479.320.000 đồng tương ứng với 2.047.932 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có tài khoản giao dịch tại các Ngân hàng sau:

- Tài khoản tiền gửi VND số 115000023555 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương;
- Tài khoản tiền gửi VND số 110000017963 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương;
- Tài khoản tiền gửi VND số 46210000040386 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (Phòng giao dịch Hoàng Thạch);
- Tài khoản tiền gửi VND số 024704066781111 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương;
- Tài khoản tiền gửi VND số 0341006838898 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương;
- Tài khoản tiền gửi VND số 0341006966118 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương;

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì;
- Kinh doanh các loại vật tư sản xuất bao bì;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành in;
- Bán buôn Clinker và xi măng;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ và bốc xếp hàng hóa loại khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	03 - 10,5
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chỉ hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và các khoản chiết khấu thanh toán... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.077.331.627	462.481.947
Tiền gửi ngân hàng	14.864.722.035	3.577.103.131
Cộng	15.942.053.662	4.039.585.078

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (*)	10.600.108.607	33.387.491.517
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	28.437.853.015	44.688.728.712
Công ty TNHH Bách Đại Phát	1.632.940.476	7.332.940.476
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	3.023.240.000
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	11.735.555.600	14.413.380.600
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	5.390.000.000	6.475.450.740
Phải thu các khách hàng khác	263.549.390	6.608.641.810
Cộng	58.060.007.088	115.929.873.855

Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch là bên liên quan của Công ty.

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Số đầu năm	5.882.671.108	4.330.742.208
Số trích lập trong năm	1.141.457.568	5.222.224.180
Số hoàn nhập trong năm	-	(3.670.295.280)
Số đã sử dụng trong năm	-	-
Số cuối năm	7.024.128.676	5.882.671.108

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đã thực hiện phân tích nợ quá hạn, lập hội đồng đánh giá để quyết định mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khách hàng có thời gian nợ quá hạn thanh toán. Ban Giám đốc tin tưởng mức trích dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2019 đủ bù đắp các khoản tổn thất nợ phải thu có thể xảy ra trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Ouàna Ninh	11.735.555.600	10.956.711.397	14.413.380.600	14.413.380.600
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	28.437.853.015	22.913.871.014	44.688.728.712	39.497.307.097
Công ty TNHH Bách Đại Phát	1.632.940.476	911.638.004	7.332.940.476	6.641.690.983
Cộng	41.806.349.091	34.782.220.415	66.435.049.788	60.552.378.680

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.226.791.535	-	29.146.393.871	-
Công cụ, dụng cụ	369.199.028	-	498.851.341	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.974.839.419	-	7.999.005.827	-
Thành phẩm	3.097.109.212	-	2.805.183.924	-
Cộng	31.667.939.194	-	40.449.434.963	-

Tại thời điểm 31/12/2019. Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất cần phải trích lập dự phòng.

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	61.738.678
Chi phí tiền điện, nước	316.987.625	370.408.861
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	55.000.000	50.000.000
Cộng	371.987.625	482.147.539

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	58.579.320
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.333.500	32.337.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.042.050	95.389.052
Cộng	81.375.550	186.305.872

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B09 - DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2019	16.193.570.889	40.769.151.414	2.737.507.035	50.100.000	59.750.329.338
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.905.319.173	-	1.905.319.173
Tại ngày 31/12/2019	16.193.570.889	40.769.151.414	4.642.826.208	50.100.000	61.655.648.511
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2019	14.959.230.992	39.815.297.248	2.737.507.035	50.100.000	57.562.135.275
Khấu hao trong năm Thanh lý, nhượng bán	547.307.814	924.805.666	218.317.825	-	1.690.431.305
Tại ngày 31/12/2019	15.506.538.806	40.740.102.914	2.955.824.860	50.100.000	59.252.566.580
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	1.234.339.897	953.854.166	-	-	2.188.194.063
Tại ngày 31/12/2019	687.032.083	29.048.500	1.687.001.348	-	2.403.081.931
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	12.130.516.916	40.528.958.654	2.737.507.035	-	55.396.982.605

Nguyên giá của Tài sản cố định hết khấu hao chờ thanh lý là 116.001.760 đồng.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có một số tài sản cố định hữu hình đang được sử dụng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với giá trị còn lại tương ứng là 676.697.127 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Mẫu số B09 - DN

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phương Trung	1.739.100.000	1.739.100.000	4.338.574.564	4.338.574.564
Công ty TNHH MTV TM Tuấn Tài	6.018.463.440	6.018.463.440	8.632.657.356	8.632.657.356
Công ty cổ phần KANETORA Việt Nam	2.678.016.000	2.678.016.000	-	-
Công ty TNHH sản xuất và TM nhựa Việt Quang	1.067.600.000	1.067.600.000	2.243.700.000	2.243.700.000
Hợp tác xã Minh Tiến	1.923.072.960	1.923.072.960	3.319.473.845	3.319.473.845
Công ty TNHH XNK Dương Hồng	-	-	10.166.400.000	10.166.400.000
Công ty TNHH XNK Trung Mỹ	-	-	3.029.650.000	3.029.650.000
Công ty CP Nhựa bao bì Ngân Hạnh	-	-	2.674.000.000	2.674.000.000
Công ty CP Hóa chất nhựa Đà Nẵng	855.000.000	855.000.000	6.598.100.000	6.598.100.000
Các nhà cung cấp khác	1.235.875.604	1.235.875.604	3.889.934.948	3.889.934.948
Cộng	15.517.128.004	15.517.128.004	44.892.490.713	44.892.490.713

Tại thời điểm 31/12/2019, các khoản phải trả của Công ty đều trong hạn thanh toán theo hợp đồng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019		Số đã nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		31/12/2019	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	3.537.668.084	3.272.701.243	264.966.841			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.861.593	413.861.593	1.090.708.609	962.554.825	542.015.377			
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	390.644.341	378.995.181	11.649.160			
Thuế đất, tiền thuế đất	-	-	77.949.911	77.949.911	-			
Phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-			
Cộng	413.861.593	413.861.593	5.099.970.945	4.695.201.160	818.631.378			

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Mẫu số B09 - DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2018	20.479.320.000	2.000.000	29.132.708.041	15.920.624.504	16.879.727.316	82.414.379.861
Tăng trong năm	-	-	-	5.600.000.000	5.364.335.176	10.964.335.176
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	5.364.335.176	5.364.335.176
Tăng do trích lập các quỹ	-	-	-	5.600.000.000	-	5.600.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.171.621.000	14.171.621.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.095.864.000	4.095.864.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	9.450.000.000	9.450.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	625.757.000	625.757.000
Tại 01/01/2019	20.479.320.000	2.000.000	29.132.708.041	21.520.624.504	8.072.441.492	79.207.094.037
Tăng trong năm	-	-	1.905.319.173	375.000.000	4.258.735.825	6.539.054.998
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.258.735.825	4.258.735.825
Tăng do trích lập các quỹ	-	-	-	375.000.000	-	375.000.000
Tăng khác	-	-	1.905.319.173	-	-	1.905.319.173
Giảm trong năm	-	-	-	1.905.319.173	5.485.898.000	7.391.217.173
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.071.898.000	3.071.898.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.414.000.000	2.414.000.000
Giảm khác	-	-	-	1.905.319.173	-	1.905.319.173
Tại 31/12/2019	20.479.320.000	2.000.000	31.038.027.214	19.990.305.331	6.845.279.317	78.354.931.862

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị VND	Tỷ lệ	Giá trị VND	Tỷ lệ
Vốn góp của VICEM	5.684.480.000	27,76%	5.684.480.000	27,76%
Vốn góp của cổ đông khác	14.794.840.000	72,24%	14.794.840.000	72,24%
Cộng	20.479.320.000	100%	20.479.320.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp	2.047.932	2.047.932
Cổ phiếu thường	2.047.932	2.047.932
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.047.932	2.047.932
Cổ phiếu thường	2.047.932	2.047.932
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Phân phối lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	8.072.441.492	16.879.727.316
Lợi nhuận tăng trong năm	4.258.735.825	5.364.335.176
Phân phối trong năm	5.485.898.000	14.171.621.000
- Quỹ đầu tư phát triển	375.000.000	5.600.000.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.800.000.000	3.400.000.000
- Quỹ thưởng ban điều hành	239.000.000	450.000.000
- Trả cổ tức bằng tiền	3.071.898.000	4.095.864.000
- Giảm khác	-	625.757.000
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	6.845.279.317	8.072.441.492

Lợi nhuận phân phối vào các quỹ trong năm 2019 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2019 theo Nghị quyết số 02/NQĐHĐCĐ 2019.

16. DOANH THU

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán vỏ bao	195.146.692.510	231.883.848.590
Doanh thu bán nguyên liệu	8.259.666.811	21.838.572.881
Doanh thu khác	1.259.308.233	1.200.644.261
Cộng	204.665.667.554	254.923.065.732

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	138.193.383.655	152.031.049.617

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn bán vỏ bao	179.758.300.227	217.266.278.252
Giá vốn bán nguyên liệu	7.857.444.623	19.387.841.553
Giá vốn khác	501.257.538	552.014.071
Cộng	<u>188.117.002.388</u>	<u>237.206.133.876</u>

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	978.828.652	1.355.025.842
Chi phí vận chuyển vỏ bao	671.830.150	959.814.143
Chi phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường	306.998.502	382.384.599
Chi phí bằng tiền khác	-	12.827.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	9.738.924.363	9.571.605.110
Chi phí nhân viên quản lý	3.129.412.166	2.877.157.054
Chi phí nguyên vật liệu	592.326.607	638.868.685
Chi phí đồ dùng văn phòng	366.488.364	253.728.220
Chi phí khấu hao tài sản cố định	429.819.123	532.506.672
Thuế, phí, lệ phí	320.099.951	252.666.762
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.141.457.568	1.551.928.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.567.831	149.769.131
Chi phí bằng tiền khác	3.492.752.753	3.314.979.686

19. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Bán phế liệu thu hồi	751.450.600	1.158.203.704
Cộng	<u>751.450.600</u>	<u>1.158.203.704</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.668.772.285	193.383.140.553
Chi phí nhân công	24.604.839.475	28.255.519.980
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.690.431.305	2.284.101.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.384.529.219	6.728.488.797
Chi phí khác bằng tiền	5.261.308.774	5.514.787.047
Cộng	<u>190.609.881.058</u>	<u>236.166.037.916</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.349.444.434	6.827.893.707
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Cộng: chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	104.098.612	489.898.950
Thu nhập tính thuế	5.453.543.046	7.317.792.657
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.090.708.609	1.463.558.531

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.258.735.825	5.364.335.176
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.800.000.000
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	239.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.258.735.825	3.325.335.176
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	2.047.932	2.047.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.080	1.624

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 đã được trình bày lại sau khi loại trừ đi khoản lợi nhuận đã được dùng để trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành theo Nghị quyết số 02/2019/NQĐHĐCĐ 2019 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/04/2019.

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty chưa tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2019, theo đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào việc phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

23. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Ủy viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Vicem Hoàng Thạch
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Sở hữu 27,76% vốn điều lệ

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH

Phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	306.998.502	382.384.599
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi		
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	32.850.000	18.375.000
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		
Thù lao của Hội đồng quản trị	208.000.000	307.500.000
Lương, thưởng của các thành viên Ban giám đốc	1.085.098.370	1.176.466.630

24. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lương, thưởng của các thành viên Ban kiểm soát	455.001.500	697.354.952

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Hải Dương, ngày 26 tháng 02 năm 2020

Người lập



Phạm Thị Thuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh

Giám đốc



Trần Anh Dũng